TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10/9/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị P H.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Kim Thành.
2. Ông Nguyễn Văn Đời.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Mỹ Thương - Thư ký Toà án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: bà Phạm Thị Thuỳ Dương - Kiểm sát viên.

Vào ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S - Địa chỉ: số B đường H, quận S, thành phố Đ xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2024; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên toà số 125/TB-TA ngày 29 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 136/2024/QĐST - HPT ngày 05 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Bùi Thị T năm 1995. Nơi cư trú: A, tổ A, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Chổ ở hiện nay: F N, phường A, quận S, thành phố Đ *mặt*.

* *Bị đơn*: Ông Phan Đình Q năm 1994. Nơi cư trú: A, tổ A, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng *Vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và ý kiến trong quá trình tố tụng nguyên đơn là bà Bùi Thị T1 bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Phan Đình Q kết hôn với nhau năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 76/2014 ngày 16/10/2014), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ chồng đến khoảng đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Q không lo làm ăn, chơi bời, cá độ, không quan tâm chăm lo cho gia đình. Tôi đã nhiều lần khuyên nhủ, tha thứ nhưng ông Q không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 5/2024 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không có kết quả. Nay tôi xác định không còn yêu thương ông Phan Đình Q đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Q.

- Về con chung: Tôi xác định tôi và ông Phan Đình Q có 02 con chung là Phan Bùi Kiều D ngày 30/10/2014 và Phan Bùi Hoàng Q sinh ngày 16/10/2016. Trong quá trình làm đơn ly hôn tôi có nguyện vọng giao hai con Phan Bùi Hoàng Q và Phan Bùi Kiều D ông Q nuôi dưỡng, tôi có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/01 con); (tôi làm nghề nail, thu nhập của tôi mỗi tháng khoảng 8000.000 đồng).

Mặc dù trong quá trình hoà giải tôi cũng đồng ý với ý kiến của ông Q nếu Toà án chấp nhận cho ly hôn thì tôi cũng nhất trí nuôi dưỡng hai con Phan Bùi Kiều D và Phan Bùi Hoàng Q cho đến khi 2 con đủ 18 tuổi. Ông Q cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 4000.000 đồng (2000.000 đồng/ 01 con).

Tuy nhiên, tại phiên toà tôi suy nghĩ lại tôi không thể trực tiếp nuôi hai con vì hiện tại tôi không có chổ ở, phải về ở nhờ với bố mẹ tôi. Nhà cửa chật chội, diện tích chỉ có khoảng hơn 30m^2 nhưng ngoài bố mẹ và tôi còn có gia đình anh em của tôi nữa. Do đó, tôi yêu cầu giao hết hai con cho ông Q nuôi dưỡng. Tôi sẽ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3000.000 đồng (1.500.000 đồng/01 con) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Tôi và ông Phan Đình Q không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Tôi và ông Phan Đình Q không có nợ chung

* Bị đơn ông Phan Đình Q không mặt tại phiên toà nhưng trong quá trình hoà giải ông trình bày ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông xác định thời gian và điều kiện kết hôn như trình bày của bà Bùi Thị T là đúng. Trong quá trình chung sống với nhau vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn do trước đây ông có chơi cá độ, dẫn đến nợ nần, đây là nợ riêng của cá nhân ông, ông không muốn nói cho bà T biết vì sợ sẽ gây áp lực cho bà T nhưng khi ông bị chủ nợ đòi bà T biết được cho rằng ông giấu diếm vợ chơi bời nên bà T không tin ông nữa, vợ chồng cãi vả nhau và sống ly thân nhau mỗi người một nơi từ khoảng tháng 5/2024 đến nay. Nay bà T xin ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng đến mức phải ly hôn. Ông mong muốn được đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dưỡng con cái.

- Về con chung: Ông Phan Đình Q xác định ông và bà T có 02 con chung là Phan Bùi Kiều D ngày 30/10/2014 và Phan Bùi Hoàng Q , sinh ngày 16/10/2016. Trong quá trình làm bản tự khai ông Q không đồng ý ly hôn nên ông không đặt vấn đề phân chia con chung nhưng nếu bà T cương quyết ly hôn và được Toà án chấp nhận cho ly hôn thì ông có nguyện vọng nuôi hai con Phan Bùi Kiều D và Phan Bùi Hoàng Q, yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/01 con) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Quá trình hoà giải ông và bà T lại thống nhất nếu Toà án chấp nhận cho ly hôn thì ông cũng đồng ý giao hai con Phan Bùi Kiều D và Phan Bùi Hoàng Q cho bà T nuôi dưỡng cho đến khi 2 con đủ 18 tuổi. Ông sẽ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 4000.000 đồng (2000.000 đồng/01 con). Ông Q thừa nhận bản thân ông làm nghề thi công, lắp đặt hồ bơi thu nhập mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng. Từ khi bà T8 đi, các con vẫn ở với ông tại nhà bố mẹ ông ở A, tổ A, phường A, quận S, thành phố Đ con của ông bà vẫn ăn học và phát triển bình thường.

- Về tài sản chung: ông Q xác định ông và bà Bùi Thị T không có tài sản chung.

- Về nợ chung: ông Qxác định ông và bà Bùi Thị T không có nợ chung.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn vắng mặt tại các phiên toà xét xử nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về quan hệ hôn nhân: căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị T đối với ông Phan Đình Q.

* Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 giao hai con chung Phan Bùi Kiều D, sinh ngày 30/10/2014 và Phan Bùi Hoàng Q, sinh ngày 16/10/2016 cho ông Phan Đình Q trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Bùi Thị T cấp dưỡng nuôi hai con Phan Bùi Kiều D và Phan Bùi Hoàng Q mỗi tháng 3000.000 đồng (1.500.000 đồng/01 con) cho đến khi hai con của ông bà đủ 18 tuổi.

* Về tài sản chung: bà Bùi Thị T và ông Phan Đình Q đều xác định ông bà không có tài sản chung nên không đề cập giải quyết.

* Về nợ chung: bà Bùi Thị T và ông Phan Đình Q đều xác định không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung của bà Bùi Thị T và ông Phan Đình Q là tranh chấp về hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn là ông Phan Đình Q vẫn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên thuộc trường hợp xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Bùi Thị T và ông Phan Đình Q kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố Đ nhân trên cơ sở tự nguyện (Giấy chứng nhận kết hôn số 76/2014, do Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16/10/2014). Hôn nhân của hai ông bà phù hợp với các quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị T và ý kiến của ông Phan Đình Q thì thấy:

Mặc dù tại phiên toà ông Q vắng mặt nhưng trong quá trình tố tụng, hai ông bà đều thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Q chơi bời, cá độ dẫn đến nợ nần nên vợ chồng mâu thuẫn, cãi vả và sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau từ tháng 5/2024 đến nay. Lời thừa nhận của ông bà cũng phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương. Xét thấy việc ông bà chọn giải pháp sống ly thân chứng tỏ mâu thuẫn của hai ông bà đã đến mức trầm trọng, Toà án cũng đã tiến hành hoà giải tạo điều kiện cho ông bà hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà T vẫn cương quyết xin ly hôn. Vì vậy, nếu cứ kéo dài cuộc hôn nhân của ông bà như hiện nay thì sẽ không đạt được mục đích. Do đó, cần căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị T là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà Bùi Thị T và ông Phan Đình Q có 02 con chung là Phan Bùi Kiều D, sinh ngày 30/10/2014 và Phan Bùi Hoàng Q, sinh ngày 16/10/2016. Tại phiên toà, nguyện vọng của bà Bùi Thị T khi ly hôn là giao hai con Phan Bùi Hoàng Q và Phan Bùi Kiều D cho ông Phan Đình Q nuôi dưỡng, bà sẽ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/01 con). Còn ông Phan Đình Q không đồng ý ly hôn nên không đặt vấn đề phân chia con chung nhưng nếu bà T cương quyết ly hôn và được Toà án chấp nhận cho ly hôn thì ông cũng đồng ý giao hai con Phan Bùi Kiều D và Phan Bùi Hoàng Q cho bà T nuôi dưỡng cho đến khi 2 con đủ 18 tuổi. Ông sẽ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 4000.000 đồng (2000.000 đồng/01 con).

Xét yêu cầu của hai ông bà về việc nuôi con thì thấy, mặc dù trong quá trình hoà giải ông bà cũng thống nhất nếu Toà án chấp nhận cho ly hôn thì sẽ giao hết hai con cho bà T nuôi dưỡng. Tuy nhiên, tại phiên toà bà T lại thay đổi ý kiến, bà không thể trực tiếp nuôi hai con vì hiện tại bà không có chỗ ở, phải về ở nhờ với bố mẹ ruột. Nhà cửa chật chội,

diện tích chỉ có khoảng hơn 30m^2, ngoài bố mẹ và bà T còn có gia đình anh em của bà nữa; mặt khác, khi được hỏi ý kiến, các con Phan Bùi Kiều D và Phan Bùi Kiều D và Phan Bùi Hoàng Q đều có nguyện vọng được ở với ông Phan Đình Q. Theo ông Q thừa nhận thì từ khi bà T bỏ nhà đi các con vẫn sống với ông Q ăn học và phát triển bình thường. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, không làm xáo trộn cuộc sống của các con, HĐXX thấy cần căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao hai con chung Phan Bùi Kiều D và Phan Bùi Hoàng Q cho ông Phan Đình Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung của hai ông bà đủ 18 tuổi là phù hợp.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con thì thấy, các con Phan Bùi Kiều D và Phan Bùi Hoàng Q đang độ tuổi ăn học, chi phí sinh hoạt, học hành ngày càng nhiều, do đó bà T không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn phù hợp với pháp luật. Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, bà T cũng thừa nhận bà làm nghề nail, thu nhập của bà mỗi tháng được khoảng 8000.000 đồng do đó căn cứ các Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình buộc bà T cấp dưỡng nuôi hai con Phan Bùi Kiều D và Phan Bùi Hoàng Q mỗi tháng 3000.000 đồng (1.500.000 đồng/01 con) là phù hợp.

Các bên vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: bà Bùi Thị T và ông Phan Đình Q đều xác định ông bà không có tài sản chung nên không đề cập giải quyết.

[5] Về nợ chung: bà Bùi Thị T và ông Phan Đình Q đều xác định không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Q2ban hành ngày 30.12.2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án" bà Bùi Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Bùi Thị T đã nộp tại biên lai thu số 0002680 ngày 26.6.2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S. Bà Bùi Thị T còn phải nộp tiếp số tiền án phí 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Q2 ban hành ngày 30.12.2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị T đối với ông Phan Đình Q. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Bùi Thị T được ly hôn với ông Phan Đình Q.

2. Về con chung: giao hai con chung Phan Bùi Kiều D, sinh ngày 30/10/2014 và Phan Bùi Hoàng Q, sinh ngày 16/10/2016 cho ông Phan Đình Q trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc bà Bùi Thị T cấp dưỡng nuôi hai con Phan Bùi Kiều D và Phan Bùi Hoàng Q1 mỗi tháng 3000.000 đồng (1.500.000 đồng/01 con) cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Các bên vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: bà Bùi Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Bùi Thị T đã nộp tại biên lai thu số 0002680 ngày 26.6.2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S. Bà Bùi Thị T còn phải nộp tiếp số tiền án phí 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Phước Hòa

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát quận S;
- Những người tham gia tố tụng
- Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ